TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NĂM CĂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 15–8–2023
V/v tranh chấp "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Phan Diệu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Tạ Huyền Thanh;

Ông Vũ Xuân Chính.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thành Công là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Ngày 15 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 149/2023/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2023 về tranh chấp "Xin ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị U, sinh năm 1987 (xin ly hôn).

Địa chỉ cư trú: Khóm 1, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Ông Trần Duy K, sinh năm 1986 (xin ly hôn).

HKTT: Ấp L, xã Q, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

Địa chỉ cư trú: Khóm 1, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn - Bà Lê Thị U trình bày yêu cầu:*

- Về hôn nhân: Bà Lê Thị U và ông Trần Duy K kết hôn trên tinh thần tự nguyện vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau.

Lý do ly hôn: Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng không hợp nhau, từ đó vợ chồng tự nguyện sống ly thân đến nay đã hơn 12 năm. Xét thấy, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài nên bà U yêu cầu ly hôn với ông Trần Duy K.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Trần L - sinh ngày 23/7/2009, hiện nay đang sống cùng với bà U. Khi ly hôn, nguyện vọng con muốn theo ai thì người đó nuôi, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, nợ thu và nợ trả: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn – Ông Trần Duy K trình bày yêu cầu:*

Về hôn nhân: Do vợ chồng không hòa hợp nên ông K yêu cầu xét xử cho ông ly hôn với bà Lê Thị U.

- Về nuôi con: Ông K giao cháu Trần L cho bà Lê Thị U nuôi dưỡng, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng.

- Về chia tài sản, công nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Bà Lê Thị U và ông Trần Duy K đều vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng

Bà Lê Thị U yêu cầu ly hôn với ông Trần Duy K, yêu cầu việc nuôi con ngoài ra không có yêu cầu gì khác, tranh chấp giữa bà U và ông K là tranh chấp xin ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Bà Lê Thị U và ông Trần Duy K có đơn xin vắng mặt phiên xét xử vì bận công việc, đây là yêu cầu chính đáng và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2]. Về nội dung vụ án

- Về hôn nhân: Bà Lê Thị U và ông Trần Duy K kết hôn trên tinh thần tự nguyện vào năm 2007, theo trích lục kết hôn số 446/2023/TLKH-BS ngày 11/7/2023 thể hiện bà U và ông K có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau, số 107/2007 ngày 24/7/2007. Vì vậy, quan hệ của bà Lê Thị U và ông Trần Duy K được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng không hợp nhau dẫn đến mất hạnh phúc, vợ chồng tự nguyện sống ly thân đến nay đã hơn 12 năm. Xét thấy, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài nên bà U yêu cầu ly hôn với ông Trần Duy K. Ông Trần Duy K đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy các đương sự đã thật sự tự nguyện ly hôn nên căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình, công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Lê Thị U và ông Trần Duy K.

- Về nuôi con: Có 01 con chung tên Trần L - Sinh ngày 23/7/2009, hiện nay đang sống cùng với bà Lê Thị U. Khi ly hôn, bà U và ông K thống nhất giao cháu Trần L cho bà U trực tiếp nuôi dưỡng, việc thỏa thuận của các đương sự là hoàn

toàn tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của cháu Trần L và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên được Hội đồng xét xử ghi nhận, theo quy định của Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

- Việc cấp dưỡng nuôi con, về chia tài sản và công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự *"Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó"*, do đương sự không đặt ra yêu cầu nên không xem xét là có cơ sở.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch: Các bên đương sự chịu 50%, U và ông K mỗi người chịu 150.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bà U được xem xét tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, Điều 220, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 51, 55, 56, 81, 82 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Lê Thị U và ông Trần Duy K.

- Về nuôi con: Có 01 con chung tên Trần L, sinh ngày 23/7/2009 (nữ), hiện nay đang sống cùng với bà U. Khi ly hôn, giao cháu Trần L cho bà Lê Thị U trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

- Việc cấp dưỡng nuôi con, về chia tài sản, nợ thu và nợ trả: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch: Các bên đương sự chịu 50%, bà Lê Thị U và bà Trần Duy K mỗi người chịu 150.000 đồng.

Ngày 11 tháng 7 năm 2023, bà Lê Thị U đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm với số tiền 300.000 đồng tại Biên lai thu tiền 0016193 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn, sau khi đối trừ bà U được nhận lại 150.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

- Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc tính từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- Ủy ban nhân dân thị trấn N.
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phan Diệu Hiền